

Bản án số: **67/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-8-2017.
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Võ Thị Thúy**.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **159/2017/TLST-HNGĐ** ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **80/2017/QĐST-HNGĐ** ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **68/2017/QĐST-HNGĐ** ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị D** - Sn: 1977. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp BC, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn C** - Sn: 1969. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp BC, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-4-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện sống chung với nhau năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh C hay uống rượu về nhà đánh vợ con. Nhận thấy cuộc

sống chung không thể duy trì, nên chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 người con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 02-01-1998, đã trưởng thành, có việc làm ổn định, đủ khả năng tự nuôi bản thân, nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 28-9-2003, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C: Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa án làm việc nhưng anh C đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, không C nhận quan hệ chị D và anh C là vợ chồng, chị D được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 28-9-2003, tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh C, tài sản không có lời trình bày của anh C nên chưa có căn cứ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không nêu lý do, nên áp dụng Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 (sau ngày 03-01-1987), không đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết **35/2000/NQ-QH10** ngày 09-6-2000, của Quốc Hội thì không C nhận quan hệ của chị D – anh C là vợ chồng.

[3] *Về con chung:*

Anh Nguyễn Văn C và chị Bùi Thị D có 02 người con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 02-01-1998, đã trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 28-9-2003, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian qua chị D chăm sóc con đảm bảo nên giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về tài sản*: Anh C không có lời trình bày và chị D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về nợ*: Chị D trình bày không có nên không xét.

[6] *Về án phí*:

Chị Bùi Thị D phải nộp 300.000 đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Không công nhận chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 28-9-2003 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị D và anh C có yêu cầu khác.

Tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn C.

Anh C được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Bùi Thị D nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị D nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo Biên lai thu số **009752** ngày **03-4-2017** được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.XL;
- Chi cục T.H.A dân sự H.XL;
- UBND xã XB;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng